



*Báo cáo thường niên năm 2013*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**





## **MỤC LỤC**

### **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY**

- 1. Thông tin khái quát và quá trình hoạt động**
- 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- 3. Tổ chức mạng lưới kinh doanh**
- 4. Mô hình tổ chức bộ máy**
- 5. Định hướng phát triển**
- 6. Các rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh**

### **II. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2013**

- 1. Môi trường đầu tư**
- 2. Triển vọng đầu tư 2014**

### **III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2013**

- 1. Tình hình hoạt động kinh doanh**
- 2. Tình hình nhân sự**
- 3. Tình hình tài chính**
- 4. Cơ cấu cổ đông**

### **IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013**

- 1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc**
- 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động Công ty năm 2013**
- 3. Báo cáo tài chính năm 2013**



## Báo cáo thường niên năm 2013

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VIỆT  
117 Quang Trung, Tp.Vinh, Nghệ An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2014

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT - NĂM 2013 -**

## **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY**

### **1. Thông tin khái quát và quá trình hoạt động**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là VSC) là Công ty Cổ phần do Ngân hàng TMCP Bắc Á cùng với các cổ đông khác sáng lập. Công ty ra đời với mục đích cung cấp các sản phẩm dịch vụ về chứng khoán và kinh doanh chứng khoán. Đối tượng phục vụ là các nhà đầu tư cá nhân, các tổ chức trong nước và nước ngoài.

Tên giao dịch	<b>Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Việt</b>
Tên viết tắt	<b>VSC</b>
Địa chỉ	<b>117 Đường Quang Trung, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An</b>
Điện thoại	<b>038.3837606</b>
Fax	<b>038.3588271</b>
Email	<u><a href="mailto:vsc.viet@gmail.com">vsc.viet@gmail.com</a></u>
Website:	<u><a href="http://www.viseco.vn">www.viseco.vn</a></u>

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024, do Sở kế hoạch Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23/10/2006.

Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 19/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/10/2006.

Vốn điều lệ ban đầu: 9.750.000.000 đồng

Vốn điều lệ điều chỉnh tăng lần 1: 37.500.000.000 đồng



## Báo cáo thường niên năm 2013

Thành viên của Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Nay là sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số: 113/QĐ - TTGDHN ngày 25/12/2006;

Thành viên của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - Nay là Sở GDCKHCM - theo Quyết định số 23/QĐ - TTGDHCM ngày 23/01/2007;

Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (mã thành viên: 023);

Hội viên Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam;

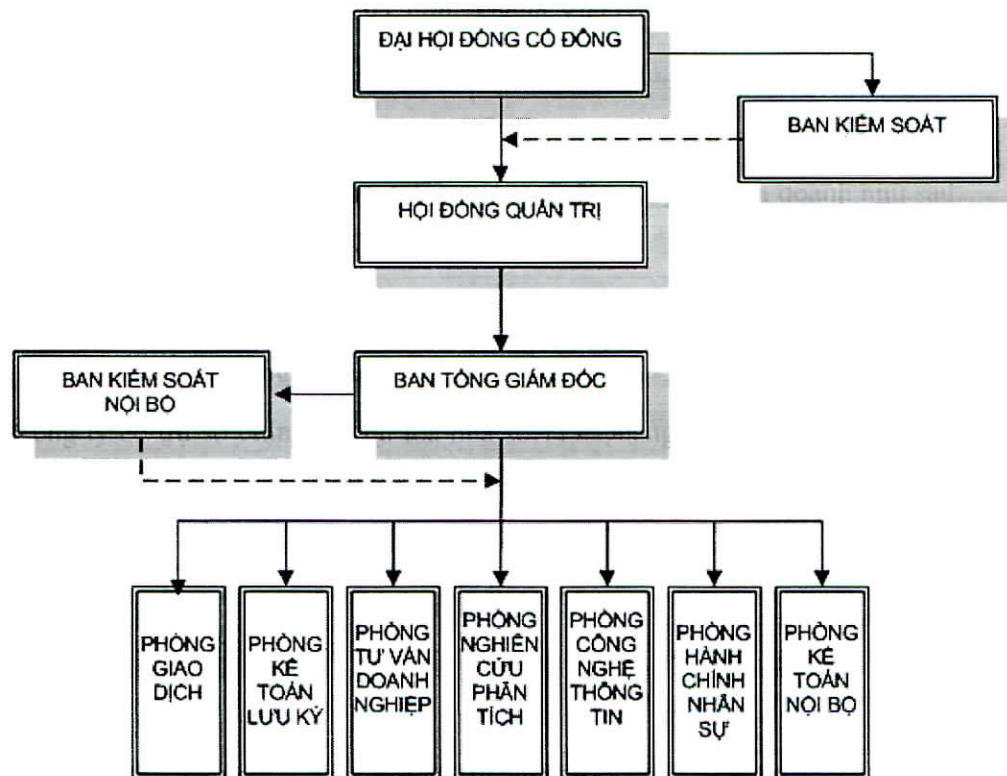
### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Công ty được cấp phép hoạt động với các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán

Công ty có trụ sở chính đặt tại tòa nhà số 117 Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Công ty đang trong quá trình triển khai để thành lập chi nhánh tại Hà Nội.

### 3. Mô hình tổ chức bộ máy





## Báo cáo thường niên năm 2013

### ***Đại hội đồng cổ đông:***

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của VSC, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ VSC quy định, các cổ động sẽ thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, ngân sách tài chính và kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo.

### ***Hội đồng quản trị***

Là cơ quan quản lý Công ty, đại diện cho Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội cổ đông, điều lệ công ty và các quy định nội bộ.

### ***Ban kiểm soát***

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

### ***Ban Tổng giám đốc***

Là bộ phận trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về quyền và nhiệm vụ được giao. Hiện tại ban Tổng Giám đốc của VSC có 2 người; Tổng giám đốc điều hành chung các hoạt động kinh doanh của Công ty, Phó tổng giám đốc phụ trách về mảng hành chính và nhân sự.

Ban kiểm soát nội bộ giám sát hoạt động của các phòng ban, mỗi phòng ban đảm nhiệm các công việc theo đúng chuyên môn đảm bảo cho Công ty hoạt động an toàn và hiệu quả nhất.

## **4. Định hướng phát triển**

Với mong muốn phát triển ổn định và bền vững, Công ty luôn đặt uy tín lên hàng đầu, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo hướng minh bạch, hiệu quả và hài hòa lợi ích của tất cả các bên liên quan, đưa VSC trở thành một thành viên đáng tin cậy của thị trường.

Chủ trương duy trì và chăm sóc tốt cho khách hàng hiện tại, thu hút và ưu đãi để khai thác nguồn khách hàng tương lai;

Không ngừng cải tiến các nghiệp vụ kinh doanh để nâng cao uy tín và sự chuyên nghiệp - là chìa khóa để thu hút và giữ chân khách hàng;

Thiết lập hệ thống cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng chuyên môn hóa, có sự phân công phân cấp rõ ràng; nâng cao chất lượng các dịch vụ cốt lõi như môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán; nâng cao vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát rủi ro; tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; cải thiện và đổi mới công tác quản trị.



## Báo cáo thường niên năm 2013

Về công nghệ: đẩy mạnh hoạt động giao dịch trực tuyến; xây dựng trang thông tin điện tử chuyên nghiệp, cung cấp các công cụ phân tích chuyên nghiệp, đảm bảo chất lượng thông tin công bố; xây dựng và nâng cấp hệ thống theo những công nghệ mới.

Đảm bảo hoạt động ổn định, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

### **5. Các rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh**

Trong hơn 6 năm thành lập và hoạt động, VSC luôn đặt mục tiêu uy tín lên hàng đầu, luôn phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh việc phát triển hoạt động kinh doanh VSC luôn xác định quản trị rủi ro nội bộ là một trong những nhiệm vụ thiết yếu, làm nền tảng cho các dịch vụ an toàn, uy tín cho khách hàng. VSC cam kết sẽ không thực hiện các nghiệp vụ trái với các luật lệ, thông lệ, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động chuẩn mực của thị trường, tuân thủ các Quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. VSC sẽ tiếp tục nỗ lực để đảm bảo an toàn tài chính và trở thành một địa chỉ tin cậy cho nhà đầu tư và khách hàng.

VSC đặt ra các rủi ro có thể gặp phải trong quá trình hoạt động và có biện pháp kiểm soát hợp lý để ngăn chặn và kiểm soát tốt nhất.

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc rủi ro do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ những khoản chi phí hoặc rủi ro do các nguyên nhân khách quan khác, cụ thể một số trường hợp như: như nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng, đặt nhầm lệnh..... Công ty đã xây dựng quy trình kiểm soát rủi ro và luôn kiểm soát chặt chẽ quá trình hoạt động nhằm hạn chế những rủi ro có thể xảy ra.

Rủi ro về thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng, phải thu khác, tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản nợ phải trả. Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho mục đích quản lý rủi ro của Công ty.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho hoạt động thanh toán bù trừ của Công ty và để giảm thiểu những thay đổi các luồng tiền.

Hoạt động trong thị trường chứng khoán với hệ thống pháp luật đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản mới trong lĩnh vực chứng khoán và những lĩnh vực có liên quan. Bên cạnh đó Công ty không ngừng nâng cao kiến thức về pháp luật cho cán bộ công nhân viên... Nhờ đó Công ty hạn chế được các vấn đề rủi ro liên quan đến Pháp luật.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

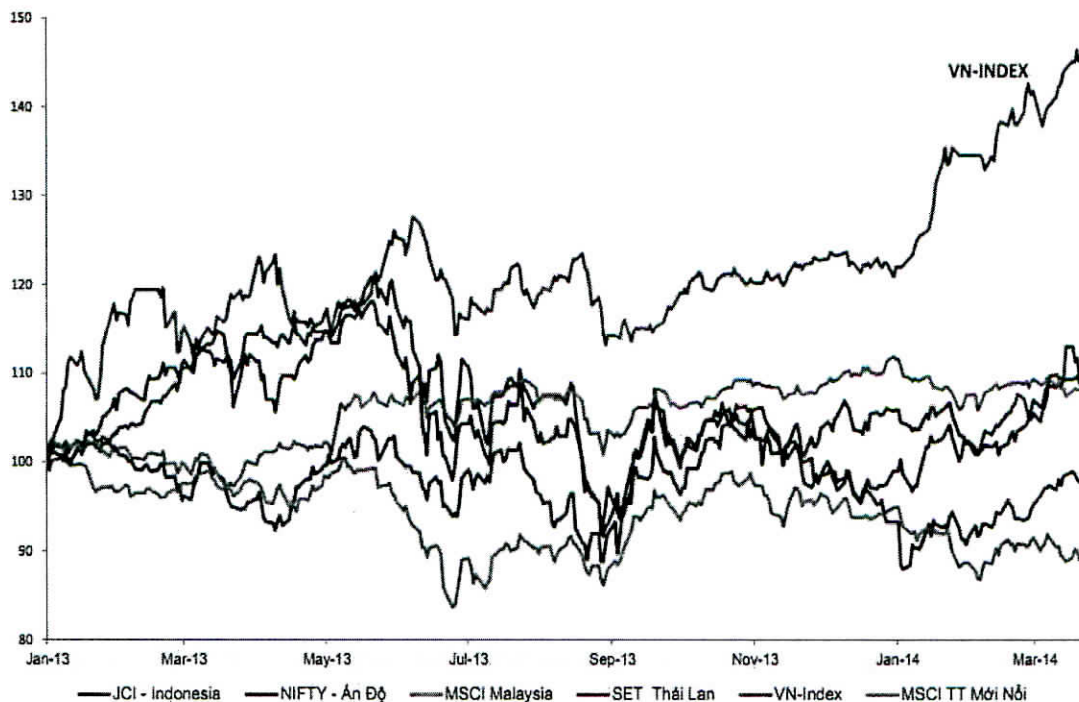
## Báo cáo thường niên năm 2013

### II. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2013

#### 1. Môi trường đầu tư

Trong năm 2013, mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa cao và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn khó khăn nhưng kinh tế vĩ mô đã có những bước ổn định, các giải pháp vĩ mô đã dần phát huy tác dụng. Lạm phát được kiềm chế; tín dụng chạm đáy 2012 và nợ xấu được kiểm soát, thị trường bất động sản đã ấm trở lại với chính sách tích cực, cởi mở hứa hẹn sự tăng trưởng mạnh trong 2 năm tới. Chỉ số sản xuất công nghiệp đã tăng 5,6% so với cùng kỳ năm ngoái; Cán cân thanh toán được cải thiện; Mặt bằng lãi suất có chiều hướng giảm dần; Thị trường ngoại hối trong xu thế ổn định, dự trữ ngoại tệ tăng; Vốn FDI tăng 54,2% so với cùng kỳ năm ngoái...

Trên TTCK, các giải pháp như giảm thuế với chuyển nhượng chứng khoán, kéo dài thời gian giao dịch, áp dụng lệnh thị trường, nới biên độ giao dịch, điều chỉnh tỷ lệ giao dịch ký quỹ từ 40/60 lên 50/50 đã được áp dụng. Đồng thời, công tác tái cấu trúc TTCK được đẩy mạnh, đặc biệt là vấn đề sắp xếp lại các tổ chức kinh doanh chứng khoán và việc ban hành các quy định mới về quỹ mở, triển khai giao dịch ETF đã tạo điều kiện thu hút dòng vốn đầu tư các tổ chức nước ngoài.



Nguồn: Bloomberg

Do vậy, TTCK Việt Nam năm 2013 đã có những diễn biến và kết quả khả quan. Chỉ số VN-Index tăng gần 23%; HN-Index tăng trên 13% so với cuối năm 2012. TTCK Việt Nam được đánh giá là 1 trong những nước có mức độ phục hồi mạnh nhất trên thế giới. Mức vốn



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VSC

## Báo cáo thường niên năm 2013

hóa vào khoảng 964.000 tỷ đồng (tăng 199.000 tỷ đồng so với cuối năm 2012), tương đương 31% GDP.

Quy mô giao dịch bình quân mỗi phiên tăng 31%. Tổng giá trị huy động vốn kể cả phát hành riêng lẻ ước đạt 222.000 tỷ đồng, tăng 25%; trong đó cổ phiếu là 20,5 nghìn tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2012; trái phiếu chính phủ (TPCP) đạt 177,5 nghìn tỷ đồng, tăng 24%. Tổng dòng vốn nước ngoài luân chuyển đến nay đạt 4,4 tỷ USD, tăng 54% so với cùng kỳ năm ngoái và giá trị danh mục tăng khoảng 3,8 tỷ USD so với cuối năm 2012.

50 CÔNG TY LỚN NHẤT	2010	2011	2012	2013E	2014F
VN Index	484.7	351.6	413.7	504.6	600.4
Tổng Giá Trị Thị Trường (Tỷ VND)	709,437.1	552,099.7	772,285.5	948,710.7	1,181,198.3
Giá Trị Thị Trường Của Nhóm (Tỷ VND)	393,723.1	446,135.4	395,849.2	759,746.3	903,516.2
P/E (x)	11.3	8.6	11.4	12.0	11.9
P/B (x)	2.0	1.4	1.8	1.9	2.1
Cổ Tức/Thị Giá (%)	n/a	n/a	5.4	5.2	n/a
EPS (VND)	2,808.5	2,745.5	2,658.2	2,673.8	3,421.8
Tăng Trưởng EPS (%)	16.7	(2.2)	(3.2)	0.6	19.3
ROE (%)	19.1	17.7	15.9	14.8	18.0
Tăng Trưởng Doanh Thu (%)	41.1	38.4	1.6	(0.7)	14.8
Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	27.2	13.4	1.7	9.1	20.1
Tăng Trưởng Tài Sản (%)	41.9	23.4	3.6	11.1	5.4
Tăng Trưởng Vốn Chủ (%)	40.5	22.5	13.3	17.3	5.2
Tổng Nợ/Vốn Chủ - Trừ Ngân Hàng (x)	0.6	0.6	0.6	0.6	0.4

Nguồn: VFM

### 2. Triển vọng đầu tư 2014

- Nền kinh tế thế giới đang ngày một ảm đạm lên và trở thành yếu tố bất lợi không nhỏ đối với giá vàng. Trong khi đó, lạm phát mục tiêu năm 2014 duy trì ở mức 7% khiến mặt bằng lãi suất huy động có thể sẽ không có nhiều đột biến. Do đó, với sự sôi động và mức sinh lời lớn có được trong năm 2013, TTCK năm 2014 nhiều khả năng sẽ tiếp tục thu hút được dòng tiền của giới đầu tư trong tương quan so sánh với các kênh đầu tư khác.
- VN-Index tăng 19% từ đầu năm 2014, vượt xa các thị trường mới nổi MSCI EM và các thị trường khu vực.

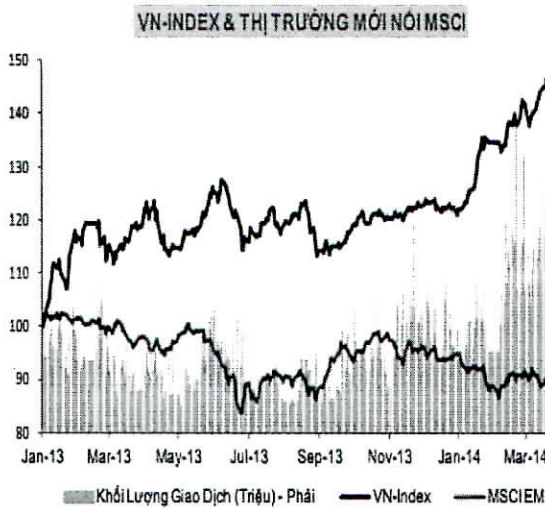




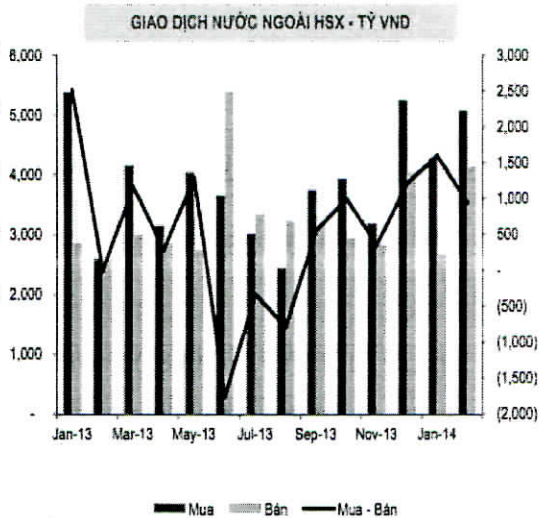
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

## Báo cáo thường niên năm 2013

- Giá trị giao dịch bình quân tăng mạnh từ tháng 8/2013, đạt hơn 3.000 tỷ/phiên trong tháng Hai và Ba, cao nhất trong lịch sử. Niềm tin nhà đầu tư trong nước phục hồi bên cạnh dòng tiền đầu cơ.
- Đầu tư nước ngoài vào thị trường tăng mạnh, mua ròng 6.800 tỷ trong 2013 và tăng mạnh trong hai tháng đầu năm 2014, đạt gần 3.000 tỷ trong cả hai tháng.
- Thị trường Việt Nam đang trở nên hấp dẫn hơn so với các nước trong khu vực



Nguồn: Bloomberg



Nguồn: HSX

### III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2013

#### 1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2013

Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động của VSC trong 3 năm gần đây:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Tăng trưởng 2013/2012 (%)
Tổng tài sản	42,185,669,738	43.516.394.426	49,033,797,581	12,68
Vốn chủ sở hữu	40,390,898,161	41,249,118,764	41,683,985,517	1,05
Vốn điều lệ	37,500,000,000	37,500,000,000	37,500,000,000	0
Doanh thu	5,424,444,836	5,658,093,360	5,240,891,791	-7.37
LN trước thuế	683,848,395	1,097,764,697	591,296,842	-46,14



## ***Báo cáo thường niên năm 2013***

Năm 2013 có thể là năm bản lề cho sự hồi phục của Thị trường, và quý 4 năm 2013 thanh khoản thị trường tăng lên, doanh thu của Công ty từ đó được cải thiện so với các quý trước, mặc dù vậy mức tăng trưởng doanh thu cuối kỳ vẫn bị giảm 7.37% so với năm ngoái. Trong năm Lợi nhuận trước thuế của Công ty bị suy giảm đáng kể so với năm ngoái do phần đáng kể từ lãi suất tiền gửi giảm mạnh từ 18% xuống còn 11% khiến cho phần lợi nhuận khá lớn từ hoạt động tài chính này giảm sút và mức tăng trưởng so với năm 2012 bị giảm 46.14 %.

### **.2. Tình hình nhân sự**

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

VSC có 3 thành viên trong Hội đồng quản trị bao gồm:

1. Bà Thái Thị Nga - Chủ tịch HĐQT
2. Bà Thái Hương - Phó chủ tịch HĐQT
3. Ông Đặng Thái Nguyên - Ủy viên HĐQT

Bà Nga có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, bà đã tham gia và đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như Phó Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng TMCP Bắc Á, Phó giám đốc Công ty cổ phần xây dựng, thương mại và dịch vụ Vạn Niên. Hiện nay bà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Việt.

Bà Thái Hương đã có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trên thị trường tài chính ngân hàng, bà đã từng đảm nhiệm các công việc: Cán bộ Ban Tài chính và vật giá Hải Phòng; Cán bộ Công ty vật liệu và chất đốt Nghệ Tĩnh; Giám đốc công ty TNHH Hương Hà. Hiện nay Bà đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc á và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Việt.

Ông Nguyên đã nhiều năm tham gia vào thị trường tài chính, ông đã từng đảm nhiệm các công việc: Trưởng phòng Đầu tư và Chứng khoán Ngân hàng TMCP Bắc á; Giám đốc ngân hàng TMCP Bắc á chi nhánh Thanh Hóa, Từ cuối năm 2006 Ông là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Việt.

#### **THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Việt có 2 thành viên

1. Ông Đặng Thái Nguyên - Tổng Giám đốc
2. Ông Vũ Văn Tâm - Phó Tổng giám đốc

Ông Tâm là tiến sĩ kinh tế, chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, trước khi đảm nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Việt, ông Tâm giữ vị trí Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư An Lạc.



## Báo cáo thường niên năm 2013

### THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Thái Doãn Sơn - Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Nguyễn Hà Nam - Thành viên Ban kiểm soát - Cử nhân kinh tế
3. Bà Trương Thị Kim Thư - Thành viên Ban kiểm soát - Cử nhân kinh tế

Ông Sơn là cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh, hoạt động nhiều năm trong lĩnh vực ngân hàng. Hiện tại Ông là Phó Tổng giám đốc ngân hàng TMCP Bắc á kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Việt.

#### ***Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc***

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng giám đốc.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị của Công ty hàng tháng và khi có những phát sinh đột xuất.

Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty dựa vào điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuân thủ các quy định của nhà nước, các quy trình, quy chế của Công ty.

Nhận định năm 2012 kinh tế còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã có những định hướng và những bước đi phù hợp nhờ đó Công ty tránh được những tổn thất do thị trường biến động xấu, không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động của Công ty, luôn duy trì được tỷ lệ đảm bảo an toàn tài chính, lợi nhuận tăng trưởng 50,61% so với năm 2011.

#### ***Hoạt động của Ban kiểm soát***

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy chế hoạt động và Điều lệ Công ty. Trong năm 2012 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

Lập kế hoạch kiểm tra giám sát hàng tháng, hàng quý, phân công trách nhiệm đến từng thành viên Ban kiểm soát; đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của Công ty;

Kiểm tra giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính;

Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy định về quản lý rủi ro cũng như việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hoạt động của các bộ phận, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;



(CÔNG TY CỔ PHẦN CHẤM HOÀN VIỆT)

## Báo cáo thường niên năm 2013

Phân tích đánh giá hoạt động kinh doanh, đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh;

### SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số nhân viên: Tổng toàn bộ số cán bộ nhân viên trong công ty là 14 lao động. Trong đó, có 8 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

Toàn bộ các cán bộ nhân viên trong công ty đều được ký kết hợp đồng lao động, hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, và các chế độ khác theo quy định của luật lao động. Chế độ về các ngày nghỉ lễ, nghỉ tết trong năm được hưởng theo đúng quy định của nhà nước. Hàng năm, công ty có chế độ đi du lịch và nghỉ mát định kỳ, nhằm mang đến cho người lao động trong toàn đơn vị tinh thần thoải mái và sức khoẻ tốt. (Chi tiết, tham khảo tại website: [www.viseco.vn](http://www.viseco.vn)).

### 3. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% Tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	43,516,394,426	49,033,797,581	12,68
Doanh thu thuần	5,658,093,360	5,240,891,791	-7,37
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1,097,764,697	591,296,842	-46,14
Lợi nhuận khác	62,285,246	-338,401	-100,54
Lợi nhuận trước thuế	1,160,049,943	590,958,441	-49,06
Lợi nhuận sau thuế	924,925,692	472,766,753	-48,89

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	<i>Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)</i>	17.991	6.287
	<i>Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-HTK)/Nợ NH</i>	17.991	6.287
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	<i>Hệ số Nợ/Tổng tài sản</i>	0.052	0.15
	<i>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</i>	0.055	0.176
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	<i>Doanh thu thuần/ Tổng tài sản</i>	0.130	0.107
4	Chỉ tiêu khả năng sinh lời		
	<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	0.163	0.09
	<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</i>	0.021	0.01



## Báo cáo thường niên năm 2013

Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0.022	0.011
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	0.194	0.113

### 4. Cơ cấu cổ đông

Cổ phần: 3.750.000 cổ phần (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn cổ phần mệnh giá 10.000đ/cổ phần). Trong năm 2012 không có sự thay đổi nào về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Chi tiết cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ
	<b>Tổ chức</b>		
1	Ngân hàng TMCP Bắc Á	4.000.000.000	10,67%
	<b>Cá nhân</b>		
1	Thái Thị Nga	4.000.000.000	10,67%
2	Thái Hương	4.000.000.000	10,67%
3	Đặng Thái Nguyên	4.000.000.000	10,67%
4	Thái Doãn Sơn	4.000.000.000	10,67%
5	Trương Thị Kim Thư	4.000.000.000	10,67%
6	Hồ Thị Vinh	4.000.000.000	10,67%
7	Nguyễn Hà Nam	2.000.000.000	5,33%
8	Nguyễn Trọng Trung	3.200.000.000	8,53%
9	Thái Thị Lương	2.800.000.000	7,46%
10	Thái Doãn Lộc	1.000.000.000	2,66%
11	Trần Thanh Tùng	500.000.000	1,33%
	<b>Cộng</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>100%</b>

## IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012.

### 1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Nắm bắt được tình hình của nền kinh tế, Ban Tổng giám đốc định hướng để Công ty duy trì ổn định và phát triển bền vững các hoạt động chính như môi giới, tư vấn và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán. Trong năm 2013, công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro, đảm bảo không có sự thay đổi về mặt tổ chức nhân sự, duy trì khách hàng thường xuyên và phát triển thêm khách hàng mới.



## ***Báo cáo thường niên năm 2013***

Bước sang năm 2014, nghiệp vụ môi giới chứng khoán vẫn sẽ là một nghiệp vụ chính của Công ty cổ phần chứng khoán Việt. Công ty chú trọng đẩy mạnh phát triển đội ngũ nhân viên môi giới chứng khoán, tập trung về mặt chất lượng, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp và kinh nghiệm chuyên môn nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng, làm cho khách hàng luôn cảm thấy hài lòng khi đến với Công ty. Bên cạnh đó Công ty cũng có kế hoạch đầu tư nâng cấp hệ thống để phù hợp với sự đổi mới phát triển của thị trường và mở thêm 1 số văn phòng đại diện mới.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty trong năm 2012**

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2013 đã có những diễn biến khả quan nhờ vào những tín hiệu ổn định kinh tế vĩ mô; các giải pháp vĩ mô đã dần phát huy tác dụng và các giải pháp tích cực trong lĩnh vực chứng khoán. Với sự phục hồi thị trường với mức thanh khoản duy trì ổn định vào cuối năm 2013 đến hiện tại thì năm 2014 hứa hẹn là năm doanh thu từ hoạt động kinh doanh của công ty sẽ tăng mạnh, bên cạnh đó thì phương châm hoạt động chủ đạo của Công ty là bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, nhà đầu tư và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Trong dài hạn Hội đồng quản trị đặt ra kế hoạch phát triển như sau:

- Đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên
- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng công nghệ, đa dạng hóa các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư.
- Mở rộng thị phần đối với hoạt động môi giới
- Đầu tư công nghệ thông tin đảm bảo sự ổn định và an toàn cho việc vận hành hệ thống, tạo ra nhiều tiện ích cho nhà đầu tư.
- Tạo được uy tín, chất lượng trong phục vụ khách hàng
- Đẩy mạnh hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát chặt chẽ quy trình thực hiện giao dịch.
- Phát triển ổn định và bền vững dựa trên các nguyên tắc kinh doanh đã đề ra.

### **3. Báo cáo tài chính**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

---

**Được lập bởi:**

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ  
Số A12 Lô XI đường Liên cơ, Mỹ Đình, Hà Nội  
Tel: (84-4) 3763 4618 Fax: (84-4) 3763 4617  
Email: [contact-aahanoi@aa.com.vn](mailto:contact-aahanoi@aa.com.vn)  
Website: <http://www.aa.com.vn>**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 21





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty"), đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024 ngày 23/10/2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 09/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp.

Giấy phép hoạt động kinh doanh số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27/10/2006 và giấy phép điều chỉnh số 210/UBCK-GP ngày 16/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính: Tầng 3, số 117 đường Quang Trung, thành phố Vinh, Nghệ An.

Các thành viên tham gia góp vốn của Công ty đến thời điểm 31/12/ 2013 bao gồm:

<u>Bên góp vốn</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Số tiền (VNĐ)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
<b>Tổ chức</b>			
Ngân hàng TMCP Bắc Á	400.000	4.000.000.000	10,67%
<b>Cá nhân</b>			
Thái Thị Nga	400.000	4.000.000.000	10,67%
Thái Hương	400.000	4.000.000.000	10,67%
Đặng Thái Nguyên	400.000	4.000.000.000	10,67%
Thái Doãn Sơn	400.000	4.000.000.000	10,67%
Trương Thị Kim Thư	400.000	4.000.000.000	10,67%
Hồ Thị Vinh	400.000	4.000.000.000	10,67%
Nguyễn Hà Nam	200.000	2.000.000.000	5,33%
Nguyễn Trọng Trung	320.000	3.200.000.000	8,53%
Thái Thị Lương	280.000	2.800.000.000	7,46%
Thái Doãn Lộc	100.000	1.000.000.000	2,66%
Trần Thanh Tùng	50.000	500.000.000	1,33%
<b>Cộng</b>	<b>3.750.000</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>100%</b>

Theo Giấy phép được cấp, hoạt động chính của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư tài chính.

### Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia điều hành Công ty trong năm tài chính 2013 gồm:

Bà Thái Thị Nga	Chủ tịch
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên

### Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã tham gia điều hành Công ty trong năm tài chính 2013 gồm:

Ông Đặng Thái Nguyên	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc

### Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA).

### Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tiếp theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chế độ kế toán hiện hành;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán, ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ theo các quy định hiện hành của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết thực hiện công bố thông tin theo quy định về chứng khoán và các văn bản liên quan về chứng khoán hiện hành.

**Phê duyệt báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo. Ngoại trừ các vấn đề được trình bày trong Báo cáo kiểm toán (nếu có), báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các qui định pháp lý có liên quan.

**Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc**



**Đặng Thái Nguyên**  
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 18 tháng 03 năm 2014



# CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ

Hãng chuyên ngành về Kiểm toán - Tư vấn - Định giá

Địa chỉ : Số A12, Lô X1 Đường Liên Cơ, Mỹ Đình, Hà Nội

Tel : (84-4) 3763 4618 Fax: (84-4) 3763 4617

Email : contact-aahanoi@aa.com.vn

Website : http://www.aa.com.vn

Số: 11-2014/BCKT/VSC-AA-Hanoi

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CÔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt được lập ngày 18/03/2014 từ trang 05 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo.

Thủy mặt và đại diện

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)



**Nguyễn Hồng Chuẩn**  
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1214-2013-070-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

**Trần Thị Ánh**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1098-2013-070-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số: B01-CTCK  
Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>46.209.852.488</b>	<b>40.791.092.159</b>
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	44.618.002.261	39.001.373.035
1	Tiền	111		15.311.001.015	9.743.459.686
2	Các khoản tương đương tiền	112		29.307.001.246	29.257.913.349
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.263.412.912	1.290.629.335
1	Phải thu của khách hàng	131		-	-
2	Trả trước cho người bán	132		-	-
3	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	5	804.600.000	862.290.000
4	Các khoản phải thu khác	138	6	458.812.912	428.339.335
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		328.437.315	499.089.789
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	7	2.837.254	35.529.728
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	8	325.600.061	463.560.061
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.823.945.093</b>	<b>2.725.302.267</b>
I	Tài sản cố định	220		1.306.973.993	1.537.388.139
1	Tài sản cố định hữu hình	221	9	681.304.381	1.016.847.567
	- Nguyên giá	222		2.361.024.848	3.055.394.141
	- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(1.679.720.467)	(2.038.546.574)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	10	625.669.612	520.540.572
	- Nguyên giá	228		1.260.867.750	1.009.527.750
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(635.198.138)	(488.987.178)
II	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			-	-
III	Tài sản dài hạn khác	260		1.516.971.100	1.187.914.128
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	190.454.354	69.579.091
2	Tiền gửi tại Trung tâm giao dịch chứng khoán	262		-	-
3	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	12	1.326.516.746	1.118.335.037
4	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>49.033.797.581</b>	<b>43.516.394.426</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(Tiếp theo)

Mẫu số: B01-CTCK  
Đơn vị tính: VNĐ



STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.349.812.064</b>	<b>2.267.275.662</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.349.812.064</b>	<b>2.267.275.662</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	13	4.861.833.334	-
2	Phải trả người bán	312		51.022.245	28.553.599
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	14	54.905.991	7.056.398
4	Phải trả người lao động	315		72.928.400	126.089.924
5	Chi phí phải trả	316	15	343.520.778	43.199.628
5	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	1.465.678.323	1.501.871.169
6	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		105.930.150	2.205.090
7	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
8	Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	323		130.632.775	84.972.857
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	324		263.360.068	473.326.997
10	Thanh toán giao dịch CK của nhà đầu tư	325		-	-
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.683.985.517</b>	<b>41.249.118.764</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>41.683.985.517</b>	<b>41.249.118.764</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		37.500.000.000	37.500.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		282.324.078	282.324.078
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	417		282.324.078	282.324.078
6	Quỹ dự phòng tài chính	418		282.324.078	282.324.078
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.337.013.283	2.902.146.530
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>49.033.797.581</b>	<b>43.516.394.426</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

Số TT	Nội dung	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2	Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3	Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4	Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5	Ngoại tệ các loại	005	-	-
6	Chứng khoán lưu ký	006	94.202.130.000	128.045.650.000
	<i>Trong đó</i>			
	6.1. Chứng khoán giao dịch	007	90.746.090.000	125.260.060.000
	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	-
	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	90.746.090.000	125.260.060.000
	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	-
	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	696.840.000	683.240.000
	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	696.840.000	683.240.000
	6.3. Chứng khoán cầm cố	017	-	-
	6.4. Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	2.759.200.000	2.101.900.000
	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	2.759.200.000	2.101.900.000
	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	-
	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-
	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	450.000
	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	-	450.000
	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
	6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	11.520.770.000	-
	7.1 Chứng khoán giao dịch	051	11.520.770.000	-
	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	11.520.770.000	-
	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	-	-
8	Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10	Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	-	-

  
TỔNG GIÁM ĐỐC  


Đặng Thái Nguyên  
Nghệ An, ngày 18 tháng 03 năm 2014

KẾ TOÁN TRƯỞNG

  
Nguyễn Hà Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2013

Mẫu số: B02-CTCK  
Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>5.240.891.791</b>	<b>5.658.093.360</b>
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.667.320.730	1.587.376.654
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	-
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		110.076.407	66.606.819
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		3.463.494.654	4.004.109.887
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>5.240.891.791</b>	<b>5.658.093.360</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	19	3.546.473.850	3.405.367.143
<b>5. Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.694.417.941</b>	<b>2.252.726.217</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	1.103.121.099	1.154.961.520
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>591.296.842</b>	<b>1.097.764.697</b>
8. Thu nhập khác	31		-	164.630.007
9. Chi phí khác	32		338.401	102.344.761
10. Lợi nhuận khác	40		(338.401)	62.285.246
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>590.958.441</b>	<b>1.160.049.943</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	118.191.688	235.124.251
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>472.766.753</b>	<b>924.925.692</b>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		126	247



**Đặng Thái Nguyên**  
Nghệ An, ngày 18 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

**Nguyễn Hà Nam**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2013  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số: B03-CTCK  
Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	590.958.441	1.160.049.943
2	Điều chỉnh cho các khoản		-	-
	Khấu hao tài sản cố định	02	410.437.235	522.117.819
	Các khoản dự phòng	03	-	-
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.404.059.014)	(3.952.759.798)
	Chi phí lãi vay	06	367.796.218	48.418.055
3	<b>Lãi lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(2.034.867.120)</b>	<b>(2.222.173.981)</b>
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.312.812)	182.431.649
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	110.623.354	757.788.863
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(40.168.610)	(34.832.678)
	Tiền lãi vay đã trả	13	(86.062.942)	(48.418.055)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(44.348.593)	(314.227.658)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(209.966.929)	(285.284.778)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.315.103.652)</b>	<b>(1.964.716.638)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSDH khác	21	(251.340.000)	(55.695.000)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	8.665.800
3	Tiền chi cho vay, mua các CC nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	-
5	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.321.239.544	3.951.647.687
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>3.069.899.544</b>	<b>3.904.618.487</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.861.833.334	9.500.000.000
2	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.000.000.000)	(9.500.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>4.861.833.334</b>	<b>-</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>5.616.629.226</b>	<b>1.939.901.849</b>
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	39.001.373.035	37.061.471.186
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>44.618.002.261</b>	<b>39.001.373.035</b>



Đặng Thái Nguyên  
Nghệ An, ngày 18 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Nguyễn Hà Nam



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số: B09-CTCK

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là "Công ty"), đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024 ngày 23/10/2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 09/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Giấy phép hoạt động kinh doanh số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27/10/2006 và giấy phép điều chỉnh số 210/UBCK-GP ngày 16/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính: Tầng 3, số 117, đường Quang Trung, thành phố Vinh, Nghệ An.

Các thành viên tham gia góp vốn của Công ty đến thời điểm 31/12/2013 bao gồm:

Bên góp vốn	Số cổ phần	Số tiền (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổ chức</b>			
Ngân hàng TMCP Bắc Á	400.000	4.000.000.000	10,67%
<b>Cá nhân</b>			
Thái Thị Nga	400.000	4.000.000.000	10,67%
Thái Hương	400.000	4.000.000.000	10,67%
Đặng Thái Nguyên	400.000	4.000.000.000	10,67%
Thái Doãn Sơn	400.000	4.000.000.000	10,67%
Trương Thị Kim Thư	400.000	4.000.000.000	10,67%
Hồ Thị Vinh	400.000	4.000.000.000	10,67%
Nguyễn Hà Nam	200.000	2.000.000.000	5,33%
Nguyễn Trọng Trung	320.000	3.200.000.000	8,53%
Thái Thị Lương	280.000	2.800.000.000	7,46%
Thái Doãn Lộc	100.000	1.000.000.000	2,66%
Trần Thanh Tùng	50.000	500.000.000	1,33%
<b>Cộng</b>	<b>3.750.000</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>100%</b>

Theo giấy phép được cấp, hoạt động chính của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư tài chính.

**2. Những điểm quan trọng trong chính sách kế toán**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**a) Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán được áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**b) Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký sổ cái.

Năm tài chính: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

**c) Tiền và các khoản tương đương tiền**



Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**d) Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được hạch toán và phản ánh theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

**e) Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập vào thời điểm cuối năm tài chính cho những khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hai năm hoặc khách hàng đang trong thời gian xem xét giải thể, phá sản, truy tố hoặc gặp các khó khăn tương tự khác phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**f) Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Trợ cấp mất việc làm được trích và hạch toán theo quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp”.

**g) Các khoản dự phòng khác**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản dự phòng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**h) Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho các khoản đầu tư chứng khoán có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường hoặc có khả năng không thể thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**i) Tài sản cố định và khấu hao**

*Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25	Năm
- Máy móc thiết bị	03 - 08	Năm
- Thiết bị văn phòng	06	Năm
- Phương tiện vận tải	03 - 05	Năm
- Tài sản khác	06	Năm

*Tài sản cố định vô hình*

Mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời cả bốn điều kiện ghi nhận yại sản cố định hữu hình, mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình. Những khoản chi phí không đồng thời thoả mãn cả bốn tiêu chuẩn nêu trên thì được hạch toán trực tiếp hoặc được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán ...

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Lãi lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh.

**j) Ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư**

Doanh thu môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư.

**Doanh thu về vốn kinh doanh**

Doanh thu về vốn kinh doanh là doanh thu từ lãi tiền gửi, phí ứng trước tiền bán.

**Doanh thu khác**

Doanh thu khác bao gồm: doanh thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, tư vấn doanh nghiệp, đấu giá và chuyển nhượng quyền bán chứng khoán.

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

**k) Thuế**

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán và Thông tư số 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 và Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và Nghị định 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các nghĩa vụ thuế của Công ty như sau:

**Thuế giá trị gia tăng:** Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán không chịu thuế giá trị gia tăng

Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng mức thuế suất là 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh cho hoạt động kinh doanh chính. Lợi nhuận từ các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**l) Thuê hoạt động**

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

**m) Các bên liên quan**

Nhóm tổ chức, cá nhân liên quan tới một tổ chức hoặc một cá nhân là tổ chức, cá nhân trong các trường hợp sau:

- Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của tổ chức đó;
- Là tổ chức kinh tế mà cá nhân đó nắm giữ từ 30% vốn điều lệ trở lên;
- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân đó.

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tiền mặt	26.965.627	23.948.382
Tiền gửi ngân hàng	15.284.035.388	9.719.511.304
Các khoản tương đương tiền	29.307.001.246	29.257.913.349
Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng (*)	29.307.001.246	29.257.913.349
<b>Cộng</b>	<b>44.618.002.261</b>	<b>39.001.373.035</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2013 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 23.028.145.617 VNĐ đang được sử dụng thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại thuyết minh số 13.

**4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
Của Công ty Chứng khoán	-	-
Của nhà đầu tư	30.719.928	266.527.377.000
Cổ phiếu	30.719.928	266.527.377.000
<b>Cộng</b>	<b>30.719.928</b>	<b>266.527.377.000</b>

**5. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải thu hoạt động ứng trước tiền bán	804.600.000	862.290.000
<b>Cộng</b>	<b>804.600.000</b>	<b>862.290.000</b>

**6. Phải thu khác**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu	82.819.470	116.134.554
Tiền chi khen thưởng cho cán bộ nhân viên	-	213.114.676
Phải thu khác	375.993.442	99.090.105
<b>Cộng</b>	<b>458.812.912</b>	<b>428.339.335</b>

**7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Thuế TNDN nộp thừa	-	35.529.728
Thuế TNCN nộp thừa	2.837.254	-
<b>Cộng</b>	<b>2.837.254</b>	<b>35.529.728</b>

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tạm ứng	325.600.061	463.560.061
<b>Cộng</b>	<b>325.600.061</b>	<b>463.560.061</b>

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VNĐ
			Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.937.530.760	117.863.381	3.055.394.141
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	(694.369.293)	-	(694.369.293)
Giảm khác	(694.369.293)	-	(694.369.293)
Số dư cuối năm	2.243.161.467	117.863.381	2.361.024.848
Giá trị hao mòn			
Số dư đầu năm	1.920.683.193	117.863.381	2.038.546.574
Tăng trong năm	264.226.275	-	264.226.275
Khấu hao trong năm	264.226.275	-	264.226.275
Giảm trong năm	(623.052.382)	-	(623.052.382)
Giảm khác	(623.052.382)	-	(623.052.382)
Số dư cuối năm	1.561.857.086	117.863.381	1.679.720.467
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.016.847.567	-	1.016.847.567
Số dư cuối năm	681.304.381	-	681.304.381

(\* ) Giảm khác: Giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đối với TSCĐ không đủ tiêu chuẩn nguyên giá (30 triệu VNĐ) theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VNĐ
		Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.009.527.750	1.009.527.750
Mua trong năm	251.340.000	251.340.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	1.260.867.750	1.260.867.750
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	488.987.178	488.987.178
Khấu hao trong năm	146.210.960	146.210.960
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	635.198.138	635.198.138
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	520.540.572	520.540.572
Số dư cuối năm	625.669.612	625.669.612

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	69.579.091	34.746.413
Phát sinh tăng trong kỳ	262.076.911	301.796.906
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	141.201.648	266.964.228
Số dư cuối năm	190.454.354	69.579.091

12. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Số dư đầu năm (gốc và lãi)	1.118.335.037	828.018.672
Nộp bổ sung trong năm	76.038.209	183.552.211
Lãi phân bổ trong năm	132.143.500	106.764.154
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.326.516.746</b>	<b>1.118.335.037</b>

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bắc Á	4.861.833.334	-
<b>Cộng</b>	<b>4.861.833.334</b>	<b>-</b>

*Khoản vay Ngân hàng TMCP Bắc Á để kinh doanh dịch vụ chứng khoán, kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng với lãi suất từ 12,5% đến 15%/năm, thế chấp bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trình bày tại Thuyết minh số 3 "Tương đương tiền".*

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.313.367	-
Thuế thu nhập cá nhân từ tiền công, tiền lương	-	4.800.000
Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng chứng khoán	16.592.624	2.082.925
Thuế khác	-	173.473
<b>Cộng</b>	<b>54.905.991</b>	<b>7.056.398</b>

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Chi phí phải trả (điện thoại, internet, taxi)	61.787.502	43.199.628
Chi phí lãi vay phải trả	281.733.276	-
<b>Cộng</b>	<b>343.520.778</b>	<b>43.199.628</b>

16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải trả cho khách hàng giao dịch chứng khoán	1.411.100.000	1.348.897.006
Phải trả cho các Sở giao dịch, Trung tâm Lưu ký CKVN	-	92.965.860
Phải trả cho tổ chức, cá nhân khác	54.578.323	60.008.303
<b>Cộng</b>	<b>1.465.678.323</b>	<b>1.501.871.169</b>

17. Nguồn vốn Chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

*Phụ lục thuyết minh trang 16*

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Bên góp vốn	Cuối năm VNĐ	Đầu năm VNĐ	Tỷ lệ %
Tổ chức (Ngân hàng TMCP Bắc Á)	4.000.000.000	4.000.000.000	10,67%
Các cá nhân khác (*)	33.500.000.000	33.500.000.000	89,33%
<b>Cộng</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>100,00%</b>

(\*) Chi tiết tại thuyết minh "Khái quát chung"

Phụ lục thuyết minh Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	37.500.000.000	251.618.989	251.618.989	251.618.989	2.136.041.194	40.390.898.161
Trích lập các quỹ	-	30.705.089	30.705.089	30.705.089	-	1.017.040.959
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	924.925.692	924.925.692
Giảm khác	-	-	-	-	(158.820.356)	(158.820.356)
Số dư cuối năm trước	37.500.000.000	282.324.078	282.324.078	282.324.078	2.902.146.530	41.249.118.764
Số dư đầu năm nay	37.500.000.000	282.324.078	282.324.078	282.324.078	2.902.146.530	41.249.118.764
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	472.766.753	472.766.753
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(37.900.000)	(37.900.000)
Số dư cuối năm	37.500.000.000	282.324.078	282.324.078	282.324.078	3.337.013.283	41.683.985.517

(\*) Lợi nhuận chưa phân phối giảm do thanh toán một phần tiền thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị.

c. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	37.500.000.000	37.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	37.500.000.000	37.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.667.320.730	1.587.376.654
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	110.076.407	66.606.819
Doanh thu hoạt động tư vấn	-	-
Doanh thu khác	3.463.494.654	4.004.109.887
<i>Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi và phát vay Quỹ hỗ trợ thanh toán</i>	<i>3.404.059.014</i>	<i>3.951.647.687</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>59.435.640</i>	<i>52.462.200</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>5.240.891.791</u></b>	<b><u>5.658.093.360</u></b>

**19. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.093.274.281	3.261.917.860
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	367.796.218	95.031.228
Chi phí lãi vay	85.403.351	48.418.055
<b>Cộng</b>	<b><u>3.546.473.850</u></b>	<b><u>3.405.367.143</u></b>

**20. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	531.456.623	547.336.999
Chi phí vật liệu quản lý	49.691.615	8.696.027
Thuê, phí, lệ phí	8.441.700	7.454.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	319.566.121	343.334.154
Chi phí khác	193.965.040	248.139.840
<b>Cộng</b>	<b><u>1.103.121.099</u></b>	<b><u>1.154.961.520</u></b>

**21. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	590.958.441	1.160.049.943
Trong đó		
<i>LN từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>590.958.441</i>	<i>1.097.764.697</i>
<i>LN khác</i>	<i>-</i>	<i>62.285.246</i>
Thuế suất thuế TNDN phải nộp		
<i>Thuế suất đối với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<i>Thuế suất đối với lợi nhuận khác</i>	<i>-</i>	<i>25%</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<b><u>118.191.688</u></b>	<b><u>235.124.251</u></b>

(\* Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán, công ty chứng khoán được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm, kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh.

**22. Giao dịch không bằng tiền**

Chi phí lãi vay nhập gốc khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bắc Á: 61.833.334 VNĐ.

**23. Thông tin về các bên liên quan**

a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á là cổ đông sáng lập, nắm giữ 10,67% vốn như sau:



Đơn vị tính: VNĐ

<u>Nghiệp vụ</u>	<u>Đầu năm</u>	<u>Phát sinh nợ</u>	<u>Phát sinh có</u>	<u>Cuối năm</u>
Tiền gửi ngân hàng	37.521.431.181	351.441.977.091	345.410.876.417	43.552.531.855
Thanh toán giá trị trái phiếu thông qua Công ty	-	13.312.196.229.745	13.312.196.229.745	-
Vay tiền của Ngân hàng	-	9.800.000.000	5.000.000.000	4.800.000.000
Lãi vay nhập gốc khoản vay ngắn hạn	-	61.833.334	-	61.833.334

<u>Nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay VNĐ</u>	<u>Năm trước VNĐ</u>
Chi phí thuê văn phòng của Ngân hàng TMCP Bắc Á	307.200.000	480.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán từ Ngân hàng TMCP Bắc Á	110.076.407	66.606.819
Doanh thu phí chuyển tiền thu được từ NH TMCP Bắc Á	61.599.400	17.600.000
Bán thanh lý tài sản cố định	-	8.665.800

b) Số dư với các bên liên quan

<u>Nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay VNĐ</u>	<u>Năm trước VNĐ</u>
Phải thu lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Bắc Á	82.819.470	-
Phải trả lãi vay cho Ngân hàng TMCP Bắc Á	213.149.943	-
Tạm ứng cho Tổng Giám đốc	325.600.061	463.560.061

c) Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc

<u>Nội dung</u>	<u>Năm nay VNĐ</u>	<u>Năm trước VNĐ</u>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	332.500.000	392.045.455

24. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	5,76	6,92
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	94,24	93,08
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	%	14,99	4,22
<i>Nợ phải trả/Tổng tài sản</i>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	6,29	22,31
<i>Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	6,29	22,31
<i>(Tài sản lưu động-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	6,07	20,90
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn</i>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	9,02	20,48
<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%	0,96	1,43
<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trên Vốn Điều lệ	%	1,26	1,63
<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ</i>			

25. Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính

d) Chính sách kế toán

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư tài chính dài hạn và các tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

*Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Các loại công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.618.002.261	39.001.373.035
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác	1.263.412.912	1.290.629.335
Tài sản tài chính khác	328.437.315	499.089.789
<b>Cộng</b>	<b>46.209.852.488</b>	<b>40.791.092.159</b>

**Công nợ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản vay	4.861.833.334	-
Phải trả người bán và phải trả khác	2.144.457.952	2.224.076.034
Chi phí phải trả	343.520.778	43.199.628
<b>Cộng</b>	<b>7.349.812.064</b>	<b>2.267.275.662</b>

e) Nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty chưa áp dụng các biện pháp về phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

f) Giá trị hợp lý

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2013 do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế

g) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Trong năm kế toán, Công ty không có bất kỳ rủi ro trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác nào.

h) Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn, cụ thể:

**Tài sản tài chính**

Tại ngày cuối năm	Dưới 1 năm VNĐ	Trên 1 năm VNĐ	Cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.618.002.261	-	44.618.002.261
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác	1.263.412.912	-	1.263.412.912
Tài sản tài chính khác	328.437.315	-	328.437.315
<b>Cộng</b>	<b>46.209.852.488</b>	<b>-</b>	<b>46.209.852.488</b>

Tại ngày đầu năm	Dưới 1 năm VNĐ	Trên 1 năm VNĐ	Cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.001.373.035	-	39.001.373.035
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác	1.290.629.335	-	1.290.629.335
Tài sản tài chính khác	499.089.789	-	499.089.789
<b>Cộng</b>	<b>40.791.092.159</b>	<b>-</b>	<b>40.791.092.159</b>

**Công nợ tài chính**

Tại ngày cuối năm	Dưới 1 năm VNĐ	Trên 1 năm VNĐ	Cộng VNĐ
Các khoản vay	4.861.833.334	-	4.861.833.334
Phải trả người bán và phải trả khác	2.144.457.952	-	2.144.457.952
Chi phí phải trả	343.520.778	-	343.520.778
<b>Cộng</b>	<b>7.349.812.064</b>	<b>-</b>	<b>7.349.812.064</b>

Tại ngày đầu năm	Dưới 1 năm VNĐ	Trên 1 năm VNĐ	Cộng VNĐ
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	2.224.076.034	-	2.224.076.034
Chi phí phải trả	43.199.628	-	43.199.628
<b>Cộng</b>	<b>2.267.275.662</b>	<b>-</b>	<b>2.267.275.662</b>

**i) Rủi ro thị trường**

*Rủi ro tỷ giá*

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Trong năm kế toán Công ty không có giao dịch gốc ngoại tệ.

*Rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi. Trong năm kế toán, Công ty có phát sinh một số hợp đồng vay vốn với ngân hàng với kỳ hạn dưới ba tháng, lãi suất từ 12,5% đến 15%.

*Rủi ro về giá*

Rủi ro về giá là rủi ro của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Trong năm kế toán Công ty không có khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh và chịu rủi ro khi có sự biến động tăng giá của giá bán hàng hóa. Công ty chưa áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro của nghiệp vụ này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

26. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ được trình bày nhằm mục đích so sánh.



**Đặng Thái Nguyên**  
Nghệ An, ngày 18 tháng 03 năm 2014

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Hà Nam**

